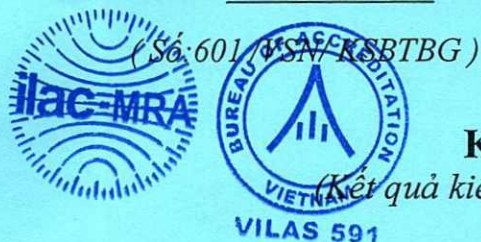


SỞ Y TẾ BẮC GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

VILAS 591

Tên mẫu: Nước sạch

Mã số mẫu: 23.BG. 880

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong thủy tinh dung tích 500 ml có nắp, lượng mẫu 1000 mL, bảo quản ở nhiệt độ 4⁰C.

Cơ sở được lấy mẫu: Hệ thống cấp nước SHTT các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn

Địa điểm lấy mẫu: Tại bể chứa nhà máy

Địa chỉ: Xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ngày lấy mẫu: 14/6/2023

Ngày nhận mẫu: 14/6/2023

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Ngày kiểm nghiệm: 14/6/2023

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu số 407/BB- KSBTBG

Lí do lấy mẫu: Theo kế hoạch số 74/KH-KSBT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang

Kết quả thử nghiệm

T T	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Kết luận
1	Coliforms*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<3	Đạt
2	E.coli*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
3	P.aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
4	S.aureus*	SMEWW 9213B	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt

Ghi chú: QCĐP 01:2021/BG : Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giới hạn phát hiện với chỉ tiêu Coliforms: ≥ 1 (CFU/100ml), E.coli: ≥ 1 (CFU/100ml), S.aureus: ≥ 1 (CFU/100ml).

Bắc Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2023

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KHOA XÉT NGHIỆM

Trưởng khoa

Nguyễn Văn Nguyên

Nguyễn Văn Nguyên

Đương Thị Hiền

Đương Thị Hiền



LÃNH ĐẠO

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHAN THỊ THI**

Mã số: BM-TT 7.8 – 01

Lần ban hành: 01.19

1. KPH: Không phát hiện, 2. QĐĐ: Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS



Số: 804/KSBTBG)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

VILAS 591
Tên mẫu: Nước sạch

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong thủy tinh có nắp đậy, dung tích 500 mL, lượng mẫu 1000ml, bao quan ở nhiệt độ 4°C

Địa điểm lấy mẫu: tại bể chứa của hệ thống

Ngày lấy mẫu: 14/6/2023

Lý do gửi mẫu: Theo KH số 74/KH-KSBT ngày 08/5/2023

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Mã số mẫu: 23.BG.880

Tên nhà máy: Hệ thống cấp nước SHTT các xã Khảm Lạng, Chu Điện, Phương Sơn

Địa chỉ: xã Khảm Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ngày nhận mẫu: 14/6/2023

Ngày kiểm nghiệm: 14/6/2023

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu

TT	Thông số phân tích	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Đánh giá
1	pH *	TCVN 6492:2011	-	7,10	6,0-8,5	Đạt
2	Mùi vị	PPPTN	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Đạt
3	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,4	≤ 2,0	Đạt
4	Màu sắc	TCVN 6185: 2015	TCU	2,5	≤ 15	Đạt
5	Hàm lượng Nitrit (NO ₂)*	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	≤ 0,05	Đạt
6	Hàm lượng Sắt (Fe) *	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH	< 0,3	Đạt
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	TCVN 6224:1996	mg/L	74,0	≤ 300	Đạt
8	Chỉ số Pecmanganat *	TCVN 6186:1996	mg/L	1,28	≤ 2,0	Đạt
9	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺)*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH	< 0,3	Đạt
10	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,29	≤ 2,0	Đạt
11	Hàm lượng Sulfate (SO ₄ ²⁻)	PPPTN	mg/L	15,7	≤ 250	Đạt
12	Hàm lượng Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,0228	≤ 0,1	Đạt

Mã số: BM-TT 7.8-01

Lần ban hành: 01.19

1. KPH: Không phát hiện

2. (-): Không qui định

3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS

13	Hàm lượng Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0.01	Đạt
14	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH	≤0.001	Đạt
15	Hàm lượng Cadimi (Cd) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,003	Đạt
16	Hàm lượng Đồng (Cu) *	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH	≤1.0	Đạt
17	Hàm lượng Kẽm (Zn) *		mg/L	KPH	≤2.0	Đạt
18	Hàm lượng Niken (Ni) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,07	Đạt
19	Hàm lượng Arsen (As)		mg/L	KPH	≤ 0,01	Đạt
20	Hàm lượng Clo dư *	TCVN 6225-2:2012	mg/L	0.72	0.2-1.0	Đạt
21	Atrazine	PPPTN Sắc ký khí khối phổ (GC- MS)	µg/L	KPH	≤100	Đạt
22	Permethrin		µg/L	KPH	≤20	Đạt
23	Chloroform		µg/L	KPH	≤300	Đạt
24	Prepanil		µg/L	KPH	≤20	Đạt

Ghi chú: QCDP 01: 2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giới hạn định lượng của Fe: 0,05 mg/L; NO₃: 0,01 mg/L; Mn: 0,01 mg/L; Pb: 0,001 mg/L; Cd: 0,0005 mg/L; Cu: 0,1 mg/L; Zn: 0,1 mg/L; Ni: 0,003 mg/L; Asen: 0,03 mg/L; Clo dư: 0,1 mg/L.

Bắc Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2023

CÁN BỘ XÉT NGHIỆM

KHOA XÉT NGHIỆM

Trưởng khoa

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Nga

Dương Thị Hiền



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHAN THỊ THI

Mã số: BM-TT 7.8-01

Lần ban hành: 01/19

1. KPH: Không phát hiện
2. (-): Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận: VILAS